

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2021

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Kim Hồng.

2. Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thù - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2021, về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2021/QĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 80, quốc lộ 5A, thị trấn PhTh, huyện KTh, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1987

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số nhà 80, quốc lộ 5A, thị trấn PhTh, huyện KTh, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Thôn Dương Xuân, xã Quyết Thắng, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Bùi Văn H trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Anh và chị Nguyễn Thị H1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn PhTh, huyện KTh, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/5/2009. Sau khi kết hôn, anh chị về ở cùng bố mẹ anh, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng gần 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, có khi còn xảy ra xung đột. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị, có can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2016, chị H1 đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó vài tháng thì bỏ sang Đài Loan làm ăn, không nói gì cho anh biết. Kể từ khi chị H1 đi đến nay anh chị không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa, hai vợ chồng sống ly thân với nhau kể từ đó đến nay. Đến đầu năm 2021, chị H1 đã làm đơn xin ly hôn và gửi về nước cho anh nhưng không nói cho anh biết địa chỉ cụ thể hiện nay chị H1 đang ở và do tình hình dịch bệnh Covid phức tạp nên chị H1 cũng không về nước để cùng đi làm thủ tục ly hôn với anh được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1.

- *Về con chung*: Anh và chị H1 có 01 con chung là Bùi Việt A, sinh ngày 02/11/2010, hiện nay cháu đang ở cùng ông bà ngoại. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của cháu, nay vợ chồng ly hôn, anh đề nghị để chị H1 được tiếp tục nuôi con, ông ngoại sẽ tiếp tục hỗ trợ chăm sóc cháu cho đến khi chị H1 về nước, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H1.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án do anh H không cung cấp được địa chỉ của chị H1 tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình chị H1, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị H1. Ông Nguyễn Xuân L là bố đẻ chị H1 xác định, chị H1 hiện làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của chị H1 nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, chị H1 thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị H1 biết. Theo ông L cung cấp thì về thời điểm kết hôn, con chung và tài sản chung như anh H trình bày là đúng. Việc anh H làm đơn xin ly hôn với chị H1, ông cũng đã thông báo cho chị H1 biết. Quan điểm của chị H1 cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã lâu, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân

được một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, chị nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của anh H và đề nghị được nuôi con chung. Chị H1 đang ở nước ngoài chưa về nước chị nhờ ông hồ trợ chăm sóc cháu cho đến khi chị H1 về nước ông nhất trí. Chị H1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung, nợ chung, chị H1 xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị H1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân L có đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận xử cho anh Bùi Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị H1; Về con chung: Giao cháu Bùi Việt A, sinh ngày 02/11/2010, cho chị H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành. Ông Nguyễn Xuân L hỗ trợ chị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi chị H1 về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H1 không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con chung; Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Bùi Văn H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị H1. Chị H1 hiện

đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tổ tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị H1 tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị H1 cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L có đề nghị xét xử vắng mặt, chị H1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh H, chị H1, ông L.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị H1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn PhTh, huyện KTh, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/5/2009 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1. Thông qua gia đình, chị H1 có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh H. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của anh H và chị H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh H xin ly hôn chị H1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh H và chị H1 có một con chung là Bùi Việt A, sinh ngày 02/11/2010, hiện nay cháu đang ở cùng ông bà ngoại. Sau khi ly hôn anh H và chị H1 đều thống nhất giao con chung cho chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H1 hiện chưa về nước có đề nghị ông L chăm sóc cháu cho đến khi chị về nước, ông L cũng nhất trí. Xét thực tế, cháu Việt A hiện đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng xin được ở với mẹ, hiện cháu đang ở cùng ông L do ông L chăm sóc hàng ngày. Do vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh H và chị H1 giao con chung cho chị H1 nuôi dưỡng, ông L có trách nhiệm chăm sóc

con chung giúp chị H1 trong thời gian chị H1 chưa về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H1 không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Bùi Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị H1.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Bùi Việt A, sinh ngày 02/11/2010, thời gian từ tháng 9/2021 đến khi con chung thành niên. Ông Nguyễn Xuân L có trách nhiệm chăm sóc cháu trong thời gian chị H1 chưa về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H1 không yêu cầu anh Bùi Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh Bùi Văn H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006366 ngày 24/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (Anh H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Nguyễn Thị H1

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn PhTh, huyện KTh,
tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa